

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực tập doanh nghiệp 1 - MH1104129

Mã lớp học phần: 25211MH110412901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000			8,5	Đảm, năm	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006			6,5	Sau, năm	C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996			8,5	Đảm, năm	C26KT	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/08/2001			8,0	Đảm, không	C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004			7,5	Bảy, năm	C26KT	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006			8,5	Đảm, năm	C26KT	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006			6,5	Sau, năm	C26KT	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006			7,5	Bảy, năm	C26KT	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005			6,5	Sau, năm	C26KT	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006			6,5	Sau, năm	C26KT	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006			6,5	Sau, năm	C26KT	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006			7,0	Bảy, không	C26KT	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006			7,0	Bảy, không	C26KT	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006			7,0	Bảy, không	C26KT	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006			6,5	Sau, năm	C26KT	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006			7,5	Bảy, năm	C26KT	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006			8,5	Đảm, năm	C26KT	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006			7,5	Bảy, năm	C26KT	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006			8,5	Đảm, năm	C26KT	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006			8,0	Đảm, không	C26KT	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006			7,0	Bảy, không	C26KT	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003			6,5	Sau, năm	C26KT	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006			8,0	Đảm, không	C26KT	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004			7,0	Bảy, không	C26KT	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006			7,0	Bảy, không	C26KT	
26	2410110003	Lê Duy	Trình	24/07/2005			8,0	Đảm, không	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	<i>Trúc</i>		7,0	Bảy, chẵn	C26KT	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	<i>Tuyền</i>		7,0	Bảy, chẵn	C26KT	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	<i>Uyên</i>		7,5	Bảy, năm	C26KT	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	<i>Vi</i>		7,0	Bảy, chẵn	C26KT	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 00 . Số bài thi/Số tờ: 30 / 30 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 30 / 00

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày...5...tháng 4...năm...2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa.

Ngày...4...tháng 4...năm...2026.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long
Trần Văn Long.

TRƯỞ:
PHÒ:
VÀ B